

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Kim Niệm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2021/TLST-HN ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Bùi Quang S, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp B xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp B xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi hoà giải nguyên đơn ông Bùi Quang S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Ngọc L chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ngày 20/6/2000. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau tất cả các vấn đề trong cuộc sống dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Ông và bà L đã ly thân từ năm 2019 không còn

quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay ông kiên quyết xin ly hôn với bà Trần Thị Ngọc L.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Bùi Sơn T, sinh ngày 07/02/2001 và Bùi Kim N, sinh ngày 05/11/2005. Con chung Bùi Sơn T đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S nhường quyền nuôi con Bùi Kim N cho bà L nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 01 lần số tiền 76.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn bà Trần Thị Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn bà L thống nhất với lời trình bày của ông S. Quá trình chung sống ông, bà phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Ông S đam mê ca cổ, thường xuyên đi chơi với bạn bè, không quan tâm đến gia đình. bà L đã nhiều lần khuyên bảo ông S nhưng không được nên mâu thuẫn trầm trọng, ông S không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện tại vợ chồng đã ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hai con chung đang đi học, tôi yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau lo cho các con. Vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông Bùi Quang S.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Bùi Sơn T, sinh ngày 07/02/2001 và Bùi Kim N, sinh ngày 05/11/2005. Con chung Bùi Sơn T đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L yêu cầu được quyền nuôi con Bùi Kim N, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con 01 lần số tiền 76.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn do có nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, nguyên đơn không muốn hàn gắn hôn nhân với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn có 02 con chung là Bùi Sơn T, sinh ngày 07/02/2001 và Bùi Kim N, sinh ngày 05/11/2005. Con chung Bùi Sơn T đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Con chung Bùi Kim N có nguyện vọng được ở với bị đơn. Xét điều kiện về nuôi con, sự thỏa thuận của các đương sự và nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi nên giao con chung Bùi Kim N cho bị đơn bà Trần Thị Ngọc L nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn tự thỏa

thuận về cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể: Nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con Bùi Kim N một lần 76.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: Xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông Bùi Quang S và bà Trần Thị Ngọc L chung sống với nhau từ năm 2000, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ngày 20/6/2000. Quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, hiện đã ly thân. Nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn cho rằng hai con chung đang đi học, yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau lo cho các con nên không đồng ý ly hôn với bị đơn.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/6/2021, được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn chung sống vợ chồng có cãi nhau nhưng không yêu cầu địa phương hòa giải.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 02 con chung Bùi Sơn T, sinh ngày 07/02/2001 và Bùi Kim N, sinh ngày 05/11/2005. Con chung Bùi Sơn T đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu giải quyết. HĐXX xét các điều kiện về nuôi con, sự thỏa thuận của đương sự về người trực tiếp nuôi con, sự ổn định tâm lý, nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi nên giao con chung Bùi Kim N cho bị đơn bà Trần Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con Bùi Kim N, cụ thể: Nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một lần 76.000.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quang S đối với bị đơn bà Trần Thị Ngọc L.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn ông Bùi Quang S được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Ngọc L.

2. Về con chung: Ông Bùi Quang S và bà Trần Thị Ngọc L có 02 con chung là Bùi Sơn T, sinh ngày 07/02/2001 và Bùi Kim N, sinh ngày 05/11/2005. Con chung Bùi Sơn T đã trên 18 tuổi, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao con chung Bùi Kim N cho bà Trần Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Nguyên đơn ông Bùi Quang S phải cấp dưỡng nuôi con Bùi Kim N một lần 76.000.000đ (bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không ai được cản trở ông Bùi Quang S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình: Ông Bùi Quang S phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0044044, ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con: Ông Bùi Quang S phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi

